

**Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH  
NĂM 2022**

(Kèm theo Công văn số 493/QĐTPT-TCKT ngày 31/12/2021 của Quỹ Đầu tư phát triển  
tỉnh Ninh Thuận)

UBND TỈNH NINH THUẬN  
QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN  
MSDN: 4500560092

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Ninh Thuận, ngày 31 tháng 12 năm 2021

**I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**

Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận là Quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận thành lập theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 31/5/2012 về việc thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Ninh Thuận; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ và Điều lệ của Quỹ. Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu Nhà nước đối với Quỹ.

Phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm 2022 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 22/12/2021.

**II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2022**

**1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

**1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:**

- Về đầu tư trực tiếp: Năm 2022 phân đấu giải ngân đầu tư 45.000 triệu đồng, số dư đầu tư cuối năm 2022 là 31.000 triệu đồng và doanh thu từ hoạt động đầu tư đạt khoảng 14.700 triệu đồng.

- Về cho vay đầu tư: Phấn đấu trong năm 2022 giải ngân cho vay mới 29.283 triệu đồng, tổng dư nợ cho vay cuối năm 2022 là 49.500 triệu đồng và doanh thu lãi cho vay năm 2022 đạt khoảng 3.500 triệu đồng. Tỷ lệ nợ xấu không quá 3%/tổng dư nợ.

**1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm**

- Tổng doanh thu: 21.400 triệu đồng. Trong đó: thu từ hoạt động đầu tư 14.700 triệu đồng, thu lãi cho vay vốn 3.500 triệu đồng, thu lãi tiền gửi 3.200 triệu đồng.

- Tổng chi phí: 12.527 triệu đồng.

- Chênh lệch thu chi: 8.873 triệu đồng.

- Chi phí thuế TNDN: 1.815 triệu đồng.

- Chênh lệch thu chi sau thuế: 7.058 triệu đồng.

- Vốn chủ sở hữu bình quân năm: 140.904 triệu đồng.
- Tỷ suất chênh lệch thu chi trên vốn chủ sở hữu bình quân: 5,01%.
- Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư: Không quá 3%.

### BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

| TT | Các chỉ tiêu                                    | Đơn vị tính | Chỉ tiêu kế hoạch |
|----|-------------------------------------------------|-------------|-------------------|
| 1  | Các chỉ tiêu sản lượng chính                    |             |                   |
| a) | Số tiền đầu tư                                  | triệu đồng  | 45.000            |
| b) | Số dư đầu tư                                    | triệu đồng  | 31.000            |
| c) | Số tiền cho vay                                 | triệu đồng  | 29.283            |
| d) | Số dư cho vay                                   | triệu đồng  | 49.500            |
| đ) | Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ                    | %           | Không quá 3%      |
| 2  | Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)    |             |                   |
| 3  | Tổng doanh thu                                  | triệu đồng  | 21.400            |
| 4  | Lợi nhuận trước thuế                            | triệu đồng  | 8.873             |
| 5  | Lợi nhuận sau thuế                              | triệu đồng  | 7.058             |
| 6  | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuế TNDN) | triệu đồng  | 1.815             |
| 7  | Tổng vốn đầu tư                                 | triệu đồng  | 83.375            |
| 8  | Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)                    | triệu đồng  |                   |
| 9  | Tỷ suất chênh lệch thu chi trên vốn chủ sở hữu  | %           | 5,01              |

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...)

Trong năm Quý không thực hiện đầu tư dự án thuộc nhóm B trở lên./.